TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/02/2024
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI – TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Minh Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Hòa

2. Bà Vũ Thị Lan Hương

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lưu Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, địa chỉ: Tổ B, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, địa chỉ: Tổ B, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T về chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống với nhau, chúng tôi sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng anh chị sống cùng nhà nhưng đã ly thân 06 tháng nay. Từ khi ly thân, chị và anh T không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn T.

Về con: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 20/02/1991 và Nguyễn Thị Quỳnh A1, sinh ngày 01/8/1995, nay cả hai cháu đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

-Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn T xác nhận anh và chị M chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật như chị M đã trình bày. Quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn đến nay, anh chị vẫn sống cùng nhà nhưng đã ly thân được 06 tháng. Nay chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh, anh cũng nhất trí.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 02 con chung như chị M đã trình bày, nay cả hai cháu đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và khoản nợ: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị M và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, và giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo khoản 1 Điều 28; Khoản 1 điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1990 và không có đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã V và ủy ban nhân dân phường L đều xác nhận chị M và anh T không có đăng ký kết hôn tại UBND xã, phường. Sau khi về chung sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Đến nay, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh T theo quy định của pháp luật. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị M, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh T là phù hợp điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị M và anh T có hai con chung là Nguyễn Quỳnh A1, sinh năm 1995 và Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1991. Hiện cả hai cháu đã trưởng thành nên chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3]Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000313 ngày 02/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lào Cai;
-VKSND TP; VKSND tỉnh Lào Cai;
-Chi cục THADS TP Lào Cai;
-Các đương sự;
-Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lý Thị Minh Yên